

**BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN DỰ THI****Học kỳ 3 năm học 2020 - 2021****Môn thi: Chuẩn đầu ra tiếng Anh C1**

MMH:(ENGL4099)

Ngày thi: 29/08/2021

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
1	1657010025	Lê Thị Khả ái												Vắng thi
2	1857010004	Nguyễn Phúc An	0	47	62	0	38	56	0	34	60	593	Đạt	
3	1757010002	Nguyễn Thị Thiên An												Vắng thi
4	1757010003	Thái Hồng Phước An	0	41	56	0	28	50	0	34	60	553	Đạt	
5	1857010007	Võ Thành An	0	38	54	0	30	51	0	30	56	537	Đạt	
6	1657010003	Bùi Lan Anh	0	24	46	0	30	51	0	23	49	487	Không đạt	
7	1757010005	Cao Kiều Anh												Vắng thi
8	1657010004	Đặng Nguyễn Quế Anh	0	43	57	0	48	65	0	35	61	610	Đạt	CTr. CL cao
9	1757010007	La Nguyễn Minh Anh	0	41	56	0	33	53	0	30	56	550	Đạt	
10	1757010009	Ngô Diệp Anh	0	50	68	0	40	58	0	37	64	633	Đạt	CTr. CL cao
11	1757010010	Nguyễn Hải Anh	0	43	57	0	31	52	0	33	59	560	Đạt	
12	1857010012	Nguyễn Ngọc Hoàng Anh												Vắng thi
13	1657010019	Trần Ngọc Vân Anh	0	37	53	0	30	51	0	39	67	570	Đạt	
14	1657010023	Trần Vân Anh	0	31	50	0	46	63	0	34	60	577	Đạt	CTr. CL cao
15	1857010026	Trịnh Hà Anh	0	40	55	0	23	46	0	34	60	537	Không đạt	CTr. CL cao
16	1657012005	Trịnh Vũ Vân Anh												Vắng thi
17	1757010019	Võ Trần Hoàng Anh												Vắng thi
18	1657010024	Vũ Tuyết Anh	0	37	53	0	44	61	0	32	58	573	Đạt	
19	1857010029	Vũ Thị Lan Anh	0	43	57	0	34	54	0	26	52	543	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
20	1657010026	Đoàn Phương	ánh	0	39	54	0	24	47	0	27	53	513	Không đạt	
21	1754010014	H" Madila	Ayun	0	46	61	0	46	63	0	34	60	613	Đạt	CTr. CL cao
22	1457010006		Azikin	0	48	64	0	46	63	0	19	46	577	Đạt	
23	1857010032	Hứa Bảo	Ân	0	22	45	0	25	48	0	35	61	513	Không đạt	CTr. CL cao
24	1757010021	Nguyễn Minh	Ân	0	45	59	0	40	58	0	35	61	593	Đạt	CTr. CL cao
25	1657010029	Nguyễn Thụy Hồng	Ân												Vắng thi
26	1657010031	Nguyễn Trí Vương	Bá												Vắng thi
27	1757010022	Bùi Gia Hoàn	Bảo												Vắng thi
28	1857010036	Đào Đình Gia	Bảo	0	46	61	0	46	63	0	38	65	630	Đạt	CTr. CL cao
29	1857010037	Lê Phó Bảo	Bảo	0	17	42	0	20	43	0	22	49	447	Không đạt	
30	1857010039	Phạm Quốc	Bảo												Vắng thi
31	1657012007	Ngô Thị Ngọc	Bích	0	20	44	0	26	48	0	20	47	463	Không đạt	
32	1457040006	Hồ Cẩm	Bình	0	43	57	0	30	51	0	30	56	547	Đạt	
33	1657012008	Trần Hậu Thanh	Bình	0	48	64	0	47	64	0	35	61	630	Đạt	
34	1757010025	Trần Thị	Bình												Vắng thi
35	1757010026	Võ Thanh	Bình	0	31	50	0	48	65	0	37	64	597	Đạt	
36	1857010043	Võ Thị	Bông	0	42	56	0	33	53	0	37	64	577	Đạt	
37	1657010039	Đỗ Minh	Châu	0	47	62	0	41	58	0	32	58	593	Đạt	
38	1857010046	Lâm Minh	Châu												Vắng thi
39	1657010042	Lê Thị Mỹ	Châu												Vắng thi
40	1967010004	Nguyễn Phan Huỳnh	Châu												Vắng thi
41	1757010031	Nguyễn Thị Bảo	Châu	0	41	56	0	44	61	0	35	61	593	Đạt	
42	1357010014	Đỗ Thị Hải	Chi												Vắng thi
43	1657010048	Nguyễn Kim	Chi	0	35	52	0	20	43	0	32	58	510	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
44	1757010035	Phùng Ngọc	Chính	0	43	57	0	29	50	0	36	63	567	Đạt	
45	1657010060	Trần Thị Ngọc	Điểm												Vắng thi
46	1757010039	Lê Đỗ Hoài	Diệp	0	41	56	0	27	49	0	27	53	527	Không đạt	
47	18H70B0002	Huỳnh Thị Ngọc	Điểm	0	27	48	0	42	59	0	24	50	523	Không đạt	
48	1657010062	Khuur Kim	Dung	0	35	52	0	28	50	0	31	57	530	Không đạt	
49	1857010059	Ngô Thùy	Dung	0	36	52	0	28	50	0	19	46	493	Không đạt	CTr. CL cao
50	1757010040	Phạm Thị Kim	Dung	0	43	57	0	44	61	0	39	67	617	Đạt	CTr. CL cao
51	1757010042	Cao Thị Mỹ	Duyên	0	27	48	0	24	47	0	36	63	527	Không đạt	
52	1757010043	Đinh Thị Kiều	Duyên	0	35	52	0	38	56	0	27	53	537	Đạt	
53	1657010070	Lại Thị Kim	Duyên												Vắng thi
54	1857010063	Lê Hồng	Duyên	0	46	61	0	39	57	0	33	59	590	Đạt	
55	1657010071	Lương Mỹ	Duyên	0	48	64	0	39	57	0	25	51	573	Đạt	
56	1357010021	Nguyễn Thị Kỳ	Duyên	0	35	52	0	45	62	0	33	59	577	Đạt	
57	1757010047	Phạm Mỹ	Duyên	0	49	66	0	38	56	0	39	67	630	Đạt	
58	18H70A0001	Bùi Văn	Dương												Vắng thi
59	1757010050	Cao Lê Thùy	Dương	0	40	55	0	36	55	0	25	51	537	Không đạt	CTr. CL cao
60	1757010054	Nguyễn Đình Thụy	Đan	0	41	56	0	44	61	0	39	67	613	Đạt	
61	1857010073	Tu Do Thành	Đạt	0	39	54	0	44	61	0	27	53	560	Đạt	CTr. CL cao
62	1757010059	Đặng Hữu	Đinh	0	33	51	0	25	48	0	31	57	520	Không đạt	
63	1657010099	Phạm Nguyễn Trường	Giang	0	41	56	0	35	54	0	32	58	560	Đạt	
64	19H70B0003	Nguyễn Thị Ngọc	Giàu												Vắng thi
65	1557010054	Lê Thị Thu	Hà	0	28	48	0	37	56	0	27	53	523	Không đạt	
66	1757010063	Lợi Bích	Hà												Vắng thi
67	1857010082	Nguyễn Nhật	Hà	0	25	47	0	43	60	0	29	55	540	Không đạt	CTr. CL cao

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
68	1757010064	Nguyễn Quốc Thanh	Hà												Vắng thi
69	1657010101	Nguyễn Thị Thanh	Hà	0	42	56	0	46	63	0	35	61	600	Đạt	CTr. CL cao
70	1557010055	Triệu Lê Mỹ	Hà												Vắng thi
71	1757010066	Trương Lê Trúc	Hà	0	40	55	0	28	50	0	25	51	520	Không đạt	
72	1757010073	Đào Thu	Hằng	0	41	56	0	34	54	0	32	58	560	Đạt	
73	175701T603	Trương Thị Thúy	Hằng	0	22	45	0	45	62	0	28	54	537	Đạt	
74	1657010110	Văn Thị	Hằng	0	48	64	0	43	60	0	38	65	630	Đạt	
75	1557010059	Nguyễn Thị Hồng	Hạnh	0	17	42	0	45	62	0	37	64	560	Đạt	
76	1757010072	Phạm Hồng	Hạnh	0	42	56	0	37	56	0	31	57	563	Đạt	
77	1657010105	Phạm Thị Hồng	Hạnh	0	19	44	0	18	41	0	15	42	423	Không đạt	
78	17H70B0001	Phạm Thị Kim	Hạnh	0	40	55	0	43	60	0	19	46	537	Đạt	
79	17H70B0002	Võ Thị Hồng	Hạnh	0	36	52	0	39	57	0	28	54	543	Đạt	
80	1757010076	Mai Ngọc	Hân	0	27	48	0	35	54	0	23	49	503	Không đạt	
81	1857010091	Nguyễn Ngọc Bảo	Hân	0	21	45	0	23	46	0	28	54	483	Không đạt	
82	1757010080	Nguyễn Thu	Hiên	0	31	50	0	39	57	0	25	51	527	Không đạt	
83	1757010082	Trần Thị Thu	Hiên	0	34	51	0	33	53	0	19	46	500	Không đạt	
84	1657010126	Đoàn Thị Hồng	Hiệp	0	47	62	0	44	61	0	33	59	607	Đạt	
85	1767012004	Lê Trung	Hiếu	0	41	56	0	39	57	0	37	64	590	Đạt	
86	1657010124	Phạm Thị Thu	Hiếu												Vắng thi
87	1757010086	Phạm Ngọc Gia	Hình	0	38	54	0	35	54	0	23	49	523	Không đạt	
88	1757010087	Hồng Ghi	Hoa	0	50	68	0	44	61	0	36	63	640	Đạt	CTr. CL cao
89	1757010088	Mai Hiếu	Hoa	0	37	53	0	33	53	0	34	60	553	Đạt	
90	1457010046	Nguyễn Thị Tuyết	Hoa	0	33	51	0	29	50	0	20	47	493	Không đạt	
91	1857010113	Đoàn Lê Khánh	Hòa	0	37	53	0	29	50	0	25	51	513	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
92	17H70B0003	Nguyễn Thị Thái	Hòa	0	40	55	0	49	66	0	35	61	607	Đạt	
93	1657010137	Bùi Xuân ánh	Hồng	0	44	58	0	40	58	0	25	51	557	Đạt	
94	1757010097	Phạm Thị Thái	Hồng												Vắng thi
95	1657010143	Phạm Thị Thu	Huệ	0	25	47	0	46	63	0	32	58	560	Đạt	
96	18H70B2001	Lâm Sơn	Hùng	0	39	54	0	47	64	0	36	63	603	Đạt	
97	1857010125	Nguyễn Mạnh	Hùng	0	30	49	0	24	47	0	36	63	530	Không đạt	
98	1557010085	Lê Võ Nhật	Huy	0	35	52	0	29	50	0	33	59	537	Đạt	
99	1857010122	Đỗ Thị Minh	Huyền	0	45	59	0	38	56	0	24	50	550	Đạt	
100	1867010007	Nguyễn Thị	Huyền	0	20	44	0	43	60	0	30	56	533	Không đạt	
101	1757010103	Trà Thị Thanh	Huyền												Vắng thi
102	1867010008	Nguyễn Thị Phương	Huỳnh												Vắng thi
103	1457010067	Nguyễn Thị Bích	Hường	0	29	49	0	33	53	0	27	53	517	Không đạt	
104	17H70B0005	Lê Dương Hoàng	Hương	0	37	53	0	43	60	0	21	48	537	Đạt	
105	1457010063	Lê Văn Quỳnh	Hương	0	39	54	0	35	54	0	29	55	543	Đạt	
106	1757010107	Nguyễn Hồ Tuyết	Hương	0	38	54	0	47	64	0	21	48	553	Đạt	CTr. CL cao
107	1457010065	Nguyễn Thị Diễm	Hương	0	49	66	0	37	56	0	37	64	620	Đạt	
108	1757010108	Nguyễn Thị Lan	Hương	0	46	61	0	45	62	0	38	65	627	Đạt	CTr. CL cao
109	1757010109	Nguyễn Thị Thanh	Hương	0	46	61	0	49	66	0	32	58	617	Đạt	CTr. CL cao
110	1757010128	Huỳnh Thế	Kiệt	0	43	57	0	33	53	0	25	51	537	Đạt	
111	18H70B0006	Bùi Thị Thúy	Kiều												Vắng thi
112	1757010126	Nguyễn Thị	Kiều	0	22	45	0	44	61	0	31	57	543	Không đạt	CTr. CL cao
113	1757010127	Nguyễn Thị Bé	Kiều												Vắng thi
114	19H70B0005	Trịnh Thị	Kiều												Vắng thi
115	1757010125	Dương Lợi	Kiên												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
116	1657010176	Phan Thiên Mỹ	Kim	0	44	58	0	43	60	0	35	61	597	Đạt	CTr. CL cao
117	1557010095	Nguyễn Tấn	Kha	0	25	47	0	25	48	0	32	58	510	Không đạt	
118	1757010117	Nguyễn Mạnh	Khang												Vắng thi
119	1457010068	Nguyễn Thanh	Khang												Vắng thi
120	1857010135	Nguyễn Vân	Khanh	0	40	55	0	44	61	0	36	63	597	Đạt	CTr. CL cao
121	1657010166	Chu Thị Kim	Khánh										0		Lỗi kỹ thuật
122	1757010123	Nguyễn Lê Anh	Khoa	0	50	68	0	46	63	0	37	64	650	Đạt	CTr. CL cao
123	1857010147	Nguyễn Bích	Khuê	0	38	54	0	40	58	0	28	54	553	Đạt	CTr. CL cao
124	1757010130	Nguyễn Thị Tường	Lam	0	50	68	0	48	65	0	38	65	660	Đạt	
125	1857010154	Dương Thị Thu	Lan												Vắng thi
126	1967010019	Nguyễn Ngọc	Lan												Vắng thi
127	1757010132	Lê Thị Nhật	Lệ	0	13	38	0	37	56	0	35	61	517	Không đạt	CTr. CL cao
128	17H70B2001	Bạch Thị Kim	Linh	0	9	32	0	43	60	0	37	64	520	Không đạt	
129	1757010135	Hoàng Thùy	Linh	0	38	54	0	45	62	0	24	50	553	Đạt	CTr. CL cao
130	18H70B0007	Lại Thị Mỹ	Linh	0	43	57	0	45	62	0	36	63	607	Đạt	
131	19H70B0007	Lê Thị Thùy	Linh	0	13	38	0	20	43	0	17	44	417	Không đạt	
132	1656010050	Nguyễn Diệu	Linh	0	40	55	0	43	60	0	34	60	583	Đạt	CTr. CL cao
133	1657010192	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0	21	45	0	19	42	0	10	34	403	Không đạt	
134	1657010191	Nguyễn Thị Mỹ	Linh	0	14	39	0	26	48	0	19	46	443	Không đạt	
135	1757010137	Nguyễn Thị Thùy	Linh	0	49	66	0	47	64	0	36	63	643	Đạt	CTr. CL cao
136	1857010164	Phạm Thị Thùy	Linh	0	17	42	0	23	46	0	22	49	457	Không đạt	CTr. CL cao
137	1757010139	Phan Thị Thu	Linh	0	26	47	0	50	67	0	37	64	593	Đạt	
138	1757010143	Vũ Trần Nhật	Linh	0	27	48	0	47	64	0	37	64	587	Đạt	
139	1657012041	Nguyễn Thanh	Loan												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
140	1757010145	Lưu Trần Lộc	0	45	59	0	45	62	0	30	56	590	Đạt	CTr. CL cao
141	155701H533	Mã Phúc Long	0	39	54	0	25	48	0	39	67	563	Đạt	
142	1657010203	Nguyễn Minh Long	0	43	57	0	47	64	0	33	59	600	Đạt	CTr. CL cao
143	1657010207	Lâm Trúc Ly	0	15	40	0	46	63	0	37	64	557	Đạt	
144	18H70B2002	Phạm Thị Lý	0	19	44	0	37	56	0	32	58	527	Không đạt	
145	1867012010	Nguyễn Thị Thanh Mai	0	27	48	0	44	61	0	39	67	587	Đạt	
146	18H70A2003	Huỳnh Đông Mẫn	0	43	57	0	46	63	0	37	64	613	Đạt	
147	1457050071	Nguyễn Thị Hà Miên												Vắng thi
148	1867010013	Nguyễn Thị Minh												Vắng thi
149	1457010095	Nguyễn Thị Xuân Minh	0	17	42	0	18	41	0	23	49	440	Không đạt	
150	1757010152	Trương Nhứt Minh	0	31	50	0	28	50	0	17	44	480	Không đạt	
151	1757010153	Lê Thị Hoài My	0	29	49	0	34	54	0	38	65	560	Đạt	
152	1657010224	Lê Thị Tuyết My	0	18	43	0	47	64	0	38	65	573	Đạt	
153	1657010225	Nguyễn Thị Diễm My	0	28	48	0	35	54	0	34	60	540	Không đạt	CTr. CL cao
154	19H70B0008	Trần Thị Trà My	0	32	50	0	23	46	0	27	53	497	Không đạt	
155	1657010229	Nguyễn Thị Thanh Mỹ	0	49	66	0	36	55	0	23	49	567	Đạt	
156	1657010230	Đỗ Tài Hoài Nam	0	36	52	0	29	50	0	36	63	550	Đạt	
157	1757010156	Huỳnh Thành Nam	0	41	56	0	44	61	0	37	64	603	Đạt	CTr. CL cao
158	145701H103	Bùi Thị Nở	0	15	40	0	31	52	0	18	45	457	Không đạt	
159	18H70B0010	Nguyễn Thị Ngọc Nữ	0	34	51	0	29	50	0	30	56	523	Không đạt	
160	1857010197	Lưu Ngọc Nga												Vắng thi
161	1867012012	Nguyễn Thị Thiên Nga	0	32	50	0	43	60	0	27	53	543	Đạt	
162	1857010200	Nguyễn Thị Thúy Nga	0	40	55	0	37	56	0	29	55	553	Đạt	
163	1757010159	Vũ Nguyệt Nga	0	34	51	0	37	56	0	17	44	503	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
164	1857010201	Đỗ Nguyễn Huế	Ngân												Vắng thi
165	1457010107	Lê Ngọc Kim	Ngân	0	44	58	0	46	63	0	34	60	603	Đạt	
166	1754090029	Nguyễn Ngọc Kim	Ngân	0	48	64	0	39	57	0	38	65	620	Đạt	CTr. CL cao
167	1557010142	Phạm Hồng	Ngân												Vắng thi
168	1757010167	Phùng Nguyễn Phương	Ngân												Vắng thi
169	1657010243	Quách Bảo	Ngân												Vắng thi
170	1757010168	Văn Phan Kim	Ngân	0	43	57	0	30	51	0	22	49	523	Không đạt	
171	1757010169	Võ Hồng	Ngân												Vắng thi
172	1657010249	Trần Trung	Nghĩa	0	39	54	0	43	60	0	29	55	563	Đạt	
173	1757010171	Trần Vĩnh	Nghĩa	0	38	54	0	36	55	0	26	52	537	Không đạt	CTr. CL cao
174	1857010219	Lưu Tấn	Nghiệp	0	42	56	0	46	63	0	28	54	577	Đạt	
175	1757010172	Bùi Minh	Ngọc												Vắng thi
176	20H70B0010	Châu Thị Kiều	Ngọc												Vắng thi
177	18H70B2003	Đinh Trần Như	Ngọc	0	41	56	0	23	46	0	28	54	520	Không đạt	
178	1457010116	Lai Tác	Ngọc												Vắng thi
179	1657010253	Mai Hồng	Ngọc	0	48	64	0	37	56	0	28	54	580	Đạt	
180	18H70A0003	Nguyễn Thị Bảo	Ngọc										0		Lỗi kỹ thuật
181	17H70A0007	Nguyễn Thị Hoàng	Ngọc	0	41	56	0	40	58	0	22	49	543	Đạt	
182	1457010119	Nguyễn Thị Mỹ	Ngọc	0	41	56	0	31	52	0	33	59	557	Đạt	
183	1857010230	Phùng Hoàng Bảo	Ngọc	0	37	53	0	27	49	0	27	53	517	Không đạt	CTr. CL cao
184	1557010155	Tạ ý	Ngọc	0	44	58	0	33	53	0	33	59	567	Đạt	
185	1657010257	Trần Quốc Bảo	Ngọc	0	43	57	0	46	63	0	36	63	610	Đạt	CTr. CL cao
186	1657012049	Võ Dương Bảo	Ngọc	0	41	56	0	38	56	0	35	61	577	Đạt	CTr. CL cao
187	1757010184	Thân Thị Minh	Nguyệt	0	35	52	0	39	57	0	15	42	503	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
188	17H70A0008	Lê Nguyễn Thảo	Nguyên	0	40	55	0	47	64	0	36	63	607	Đạt	
189	18H70B0009	Lữ Quý	Nguyên	0	44	58	0	41	58	0	26	52	560	Đạt	
190	1757010179	Mộc Thúy	Nguyên	0	45	59	0	44	61	0	37	64	613	Đạt	
191	1757010183	Nguyễn Thị Minh	Nguyên	0	40	55	0	31	52	0	32	58	550	Đạt	
192	1857010237	Phạm Minh	Nguyên												Vắng thi
193	1757010186	Phạm Thị Thanh	Nhàn	0	47	62	0	41	58	0	33	59	597	Đạt	
194	1657050081	Võ Thị	Nhàn	0	44	58	0	27	49	0	23	49	520	Không đạt	
195	1757010189	Đặng Thị Yến	Nhi	0	49	66	0	47	64	0	31	57	623	Đạt	
196	1757010192	Lê Ngọc Yến	Nhi												Vắng thi
197	19H70B0027	Lưu Hoài	Nhi												Vắng thi
198	1657010272	Ngô Thị Phương	Nhi	0	36	52	0	42	59	0	39	67	593	Đạt	
199	1757010193	Nguyễn Bá Uyển	Nhi	0	50	68	0	43	60	0	36	63	637	Đạt	CTR. CL cao
200	1857010244	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Nhi	0	49	66	0	45	62	0	39	67	650	Đạt	
201	1967010024	Nguyễn Thị Bích	Nhi												Vắng thi
202	1757010194	Nguyễn Thị Phương	Nhi	0	34	51	0	44	61	0	26	52	547	Đạt	
203	1654050079	Trương Thị Phương	Nhi	0	35	52	0	26	48	0	37	64	547	Đạt	
204	1456010081	Võ Ngọc	Nhi												Vắng thi
205	17H70A0011	Nguyễn Thị	Nhơn	0	14	39	0	27	49	0	20	47	450	Không đạt	
206	1657010285	Đoàn Thị Hồng	Nhung	0	28	48	0	38	56	0	33	59	543	Đạt	
207	1867010018	Huỳnh Thị Kiều	Nhung												Vắng thi
208	1757010199	Nguyễn Lê Hồng	Nhung												Vắng thi
209	1457010140	Đinh Trần Tố	Như												Vắng thi
210	1757010203	Huỳnh	Như												Vắng thi
211	1757010204	Lê Thị Huỳnh	Như												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
212	1657012059	Mai Ngọc Quỳnh	Như												Vắng thi
213	1457010143	Nguyễn Ngọc Quỳnh	Như	0	44	58	0	32	52	0	31	57	557	Đạt	
214	1657010289	Phan Huỳnh Khánh	Như												Vắng thi
215	1657010293	Võ Thị Quỳnh	Như	0	33	51	0	47	64	0	30	56	570	Đạt	
216	1454050103	Vũ Thị Ngọc	Oanh												Vắng thi
217	1657010298	Trương Lưu Thiên	Phát	0	33	51	0	31	52	0	22	49	507	Không đạt	
218	1657010299	Võ Tấn	Phát	0	43	57	0	44	61	0	37	64	607	Đạt	
219	1657010300	Nguyễn Ngọc Thanh	Phong	0	28	48	0	36	55	0	26	52	517	Không đạt	
220	1857010275	Chương Phong	Phú	0	46	61	0	48	65	0	38	65	637	Đạt	CTr. CL cao
221	18H70B0011	Nguyễn Văn	Phú	0	40	55	0	44	61	0	37	64	600	Đạt	
222	1757010213	Lê Hoàng	Phúc	0	43	57	0	35	54	0	36	63	580	Đạt	
223	1757010215	Trần Đình	Phúc												Vắng thi
224	1857010280	Đặng Lai Nguyệt	Phụng	0	20	44	0	25	48	0	23	49	470	Không đạt	CTr. CL cao
225	1357010117	La Trinh Ngọc	Phụng	0	37	53	0	23	46	0	29	55	513	Không đạt	
226	1357010120	Châu Hồng	Phượng	0	35	52	0	31	52	0	26	52	520	Không đạt	
227	18H70A2005	Nguyễn Thị Kim	Phượng	0	32	50	0	25	48	0	30	56	513	Không đạt	
228	1657012069	Phạm Thị	Phượng	0	24	46	0	39	57	0	37	64	557	Đạt	
229	17H70B0008	Trương Thị	Phượng												Vắng thi
230	1357010118	Diệp Mỹ	Phượng	0	42	56	0	34	54	0	22	49	530	Không đạt	
231	1457010153	Hồ Đặng Thúy	Phượng												Vắng thi
232	1757010219	Nguyễn Bích Minh	Phượng	0	39	54	0	47	64	0	36	63	603	Đạt	
233	1457050103	Nguyễn Hoàng Nhất	Phượng												Vắng thi
234	1857010285	Nguyễn Ngọc Thanh	Phượng	0	44	58	0	38	56	0	36	63	590	Đạt	
235	1757010222	Trần Thị Thẩm	Phượng	0	23	46	0	44	61	0	23	49	520	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
236	1657010312	Trương Ng Thị Xuân	Phương	0	26	47	0	27	49	0	26	52	493	Không đạt	
237	1957012192	Đỗ Xuân	Quang	0	38	54	0	47	64	0	39	67	617	Đạt	CTr. CL cao
238	1757010225	Đỗ Minh	Quân	0	45	59	0	46	63	0	37	64	620	Đạt	CTr. CL cao
239	1857010291	Hoàng Phương	Quân	0	44	58	0	35	54	0	34	60	573	Đạt	
240	1757010226	Nguyễn Hoàng	Quân	0	49	66	0	47	64	0	33	59	630	Đạt	CTr. CL cao
241	19H70B0014	Nguyễn Thị Ngọc	Quý	0	47	62	0	48	65	0	37	64	637	Đạt	
242	17H70B2002	Hoàng Thị	Quyên	0	43	57	0	47	64	0	38	65	620	Đạt	
243	1655010096	Trần Thúy	Quyên	0	18	43	0	37	56	0	39	67	553	Đạt	
244	1757010229	Đặng Thảo	Quỳnh	0	40	55	0	23	46	0	20	47	493	Không đạt	
245	1757010231	Huỳnh Nguyễn Phương	Quỳnh												Vắng thi
246	17H70A0015	Nguyễn Nữ Như	Quỳnh	0	38	54	0	24	47	0	38	65	553	Đạt	
247	1757010234	Nguyễn Thúy	Quỳnh	0	40	55	0	46	63	0	39	67	617	Đạt	CTr. CL cao
248	1757010235	Nguyễn Trần Như	Quỳnh	0	34	51	0	48	65	0	36	63	597	Đạt	
249	1557010202	Trần Đỗ Ngọc	Quỳnh												Vắng thi
250	1857010306	Vũ Nguyễn Đan	Quỳnh	0	46	61	0	39	57	0	39	67	617	Đạt	
251	1457010166	Hồ Thị Tiên	Sa	0	42	56	0	38	56	0	19	46	527	Không đạt	
252	1657010340	Nguyễn Huyền	Sâm	0	47	62	0	35	54	0	25	51	557	Đạt	
253	1657010341	Hồ Hoàng	Sơn	0	44	58	0	29	50	0	26	52	533	Không đạt	
254	1757010238	Nguyễn Thị Như	Sương	0	37	53	0	39	57	0	38	65	583	Đạt	CTr. CL cao
255	1757010239	Phan Phước	Tài	0	38	54	0	35	54	0	23	49	523	Không đạt	
256	1857010314	Ngô Văn	Tài												Vắng thi
257	19H70B0016	Ngô Thị Thanh	Tâm												Vắng thi
258	1657012077	Nguyễn Thị Hoài	Tâm	0	28	48	0	22	45	0	29	55	493	Không đạt	
259	1857010315	Thái Thị Thanh	Tâm	0	23	46	0	34	54	0	22	49	497	Không đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
260	1857010367	Trương Công Phúc	Tiền	0	26	47	0	42	59	0	32	58	547	Không đạt	CTr. CL cao
261	1757010286	Đặng Thị	Tiền												Vắng thi
262	1757010287	Đỗ Duy	Tiền	0	45	59	0	29	50	0	27	53	540	Đạt	
263	1967010037	Nguyễn Ngọc Mỹ	Tiền	0	38	54	0	32	52	0	38	65	570	Đạt	
264	1857010371	Nguyễn Văn	Toàn	0	41	56	0	46	63	0	37	64	610	Đạt	
265	1654040491	Nguyễn Lưu Trương Khả	Tú	0	37	53	0	34	54	0	37	64	570	Đạt	
266	1757010331	Nguyễn Thụy Hoàng	Tú	0	48	64	0	43	60	0	26	52	587	Đạt	CTr. CL cao
267	1667012037	Nguyễn Thị	Túc	0	21	45	0	21	44	0	22	49	460	Không đạt	
268	1757010325	Nguyễn Thành	Tuy												Vắng thi
269	1757010328	Phan Thanh	Tuyền	0	40	55	0	26	48	0	25	51	513	Không đạt	
270	1767010054	Trần Thị Thanh	Tuyền	0	20	44	0	19	42	0	20	47	443	Không đạt	
271	1757010332	Nguyễn Ngọc Khánh	Tường	0	19	44	0	31	52	0	29	55	503	Không đạt	
272	1754032137	Phạm Thị Lan	Tường	0	43	57	0	45	62	0	37	64	610	Đạt	CTr. CL cao
273	1657010352	Đinh Thượng	Thái	0	29	49	0	40	58	0	25	51	527	Không đạt	
274	1757010260	Nguyễn Thị	Thăm	0	31	50	0	27	49	0	30	56	517	Không đạt	
275	1857010333	Nguyễn Thị Hồng	Thăm	0	43	57	0	42	59	0	39	67	610	Đạt	
276	1757010261	Nguyễn Quốc	Thắng												Vắng thi
277	1757010262	Trương Ngọc Hữu	Thắng	0	29	49	0	32	52	0	24	50	503	Không đạt	CTr. CL cao
278	1757010243	Bùi Thị Lệ	Thanh												Vắng thi
279	1657010348	Đỗ Nguyễn Thanh	Thanh	0	48	64	0	42	59	0	39	67	633	Đạt	
280	1557010211	Vũ Thị Riệu	Thanh												Vắng thi
281	1857010322	Trần Nhựt	Thành	0	45	59	0	33	53	0	34	60	573	Đạt	
282	1757010252	Đỗ Thu	Thảo												Vắng thi
283	1757010253	Nguyễn Huỳnh Phương	Thảo	0	44	58	0	47	64	0	33	59	603	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên		Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
				Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
284	1657010356	Nguyễn Ngọc Phương	Thảo	0	50	68	0	43	60	0	37	64	640	Đạt	
285	1857010326	Nguyễn Thị Hồng	Thảo	0	34	51	0	47	64	0	37	64	597	Đạt	
286	1457010179	Nguyễn Thị Mỹ	Thảo	0	14	39	0	23	46	0	16	43	427	Không đạt	
287	1757010254	Nguyễn Thị Thanh	Thảo												Vắng thi
288	1457012320	Nguyễn Thị Thu	Thảo												Vắng thi
289	1967010032	Nguyễn Trần Thu	Thảo												Vắng thi
290	1757010255	Phạm Thị Phương	Thảo	0	49	66	0	46	63	0	39	67	653	Đạt	CTr. CL cao
291	1757010258	Trần Thị Phương	Thảo	0	41	56	0	44	61	0	37	64	603	Đạt	CTr. CL cao
292	1757010259	Vũ Thanh	Thảo	0	38	54	0	34	54	0	25	51	530	Không đạt	
293	1657012082	Chu Lưu Yến	Thi	0	41	56	0	32	52	0	36	63	570	Đạt	
294	19H70B0018	Đặng Xuân	Thi	0	28	48	0	45	62	0	37	64	580	Đạt	
295	1857010336	Hoàng Gia	Thi	0	25	47	0	33	53	0	36	63	543	Đạt	
296	1657010370	Tăng Khiết	Thi												Vắng thi
297	1657010371	Trần Nữ Bảo	Thi	0	24	46	0	31	52	0	22	49	490	Không đạt	
298	1767010046	Lê Thị Như	Thiện	0	49	66	0	46	63	0	16	43	573	Đạt	
299	1657012083	Nguyễn Hoàng	Thiên	0	44	58	0	48	65	0	32	58	603	Đạt	CTr. CL cao
300	1857010340	Vũ Hoàng Bảo	Thịnh												Vắng thi
301	1757010267	Lâm Bảo	Thơ	0	43	57	0	44	61	0	26	52	567	Đạt	CTr. CL cao
302	1657010380	Nguyễn Bảo	Thơ	0	24	46	0	44	61	0	25	51	527	Không đạt	
303	1757010268	Tăng Lý Minh	Thơ	0	37	53	0	41	58	0	22	49	533	Không đạt	CTr. CL cao
304	17H70B0010	Đào Thị Thanh	Thúy	0	21	45	0	43	60	0	31	57	540	Đạt	
305	1757010274	Nguyễn Phương Hồng	Thúy	0	33	51	0	31	52	0	24	50	510	Không đạt	
306	19H70B0020	Nguyễn Thị	Thúy	0	49	66	0	45	62	0	38	65	643	Đạt	
307	1757010275	Nguyễn Thị Thanh	Thúy	0	28	48	0	39	57	0	33	59	547	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
308	1657010387	Phan Thị Cẩm Thúy	0	35	52	0	45	62	0	38	65	597	Đạt	CTr. CL cao
309	1857010349	Trần Thị Thúy	0	21	45	0	29	50	0	19	46	470	Không đạt	
310	1757010276	Đào Thị Thùy	0	39	54	0	47	64	0	23	49	557	Đạt	CTr. CL cao
311	17H70B0011	Nguyễn Thị Lệ Thùy	0	37	53	0	31	52	0	20	47	507	Không đạt	
312	1667012028	Nguyễn Thị Thu Thùy	0	11	33	0	38	56	0	25	51	467	Không đạt	
313	1757010272	Võ Thị Thanh Thùy	0	28	48	0	27	49	0	25	51	493	Không đạt	
314	1657010396	Bùi Thị Anh Thư	0	45	59	0	40	58	0	27	53	567	Đạt	
315	1457010197	Huỳnh Nguyễn Hoài Anh Thư												Vắng thi
316	1757010280	Nguyễn Minh Thư	0	24	46	0	15	37	0	19	46	430	Không đạt	
317	1757010281	Nguyễn Thùy Minh Thư	0	40	55	0	42	59	0	36	63	590	Đạt	CTr. CL cao
318	1457010199	Trần Ngọc Xuân Thư	0	44	58	0	45	62	0	28	54	580	Đạt	
319	1557010234	Trần Kim Thương	0	44	58	0	33	53	0	33	59	567	Đạt	
320	1457010203	Phạm Hoàng Mai Thy	0	43	57	0	33	53	0	24	50	533	Không đạt	
321	1657010411	Võ Thụy Minh Thy												Vắng thi
322	1557010244	Lê Bảo Trang	0	26	47	0	23	46	0	20	47	467	Không đạt	
323	155701H532	Nguyễn Đình Đoan Trang	0	35	52	0	15	37	0	17	44	443	Không đạt	
324	1657012096	Nguyễn Thái Thiên Trang												Vắng thi
325	1657010424	Phạm Ngọc Phương Trang												Vắng thi
326	17H70A2003	Phạm Nguyễn Khánh Trang	0	45	59	0	23	46	0	25	51	520	Không đạt	
327	1667012031	Phạm Thị Thu Trang	0	18	43	0	25	48	0	22	49	467	Không đạt	
328	1654040446	Phạm Thùy Minh Trang												Vắng thi
329	18H70A0008	Trần Thị Quỳnh Trang	0	41	56	0	29	50	0	32	58	547	Đạt	
330	1667012032	Trần Thị Thu Trang										0		Lỗi kỹ thuật
331	1457010212	Trần Thị Thùy Trang												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
332	1857010377	Trần Thị Thủy Trang												Vắng thi
333	1757010299	Võ Thị Thùy Trang	0	42	56	0	47	64	0	32	58	593	Đạt	
334	1757010301	Đinh Lê Thùy Trâm												Vắng thi
335	1657010430	Mai Hà Bảo Trâm	0	13	38	0	22	45	0	20	47	433	Không đạt	
336	1967010039	Nguyễn Hồ Phương Trâm	0	33	51	0	24	47	0	22	49	490	Không đạt	
337	1757010302	Nguyễn Ngọc Bích Trâm												Vắng thi
338	1557010257	Nguyễn Quế Trâm	0	29	49	0	25	48	0	28	54	503	Không đạt	
339	1757010304	Nguyễn Thị Kiều Trâm												Vắng thi
340	18H70B2008	Siu Ngọc Trâm	0	42	56	0	40	58	0	31	57	570	Đạt	
341	1657012098	Trần Thảo Hương Trâm												Vắng thi
342	1757010305	Vưu Bích Trâm	0	39	54	0	26	48	0	17	44	487	Không đạt	
343	1757010306	Huỳnh Thị Hồng Trân												Vắng thi
344	1857010386	Nguyễn Bảo Trân												Vắng thi
345	1757010307	Nguyễn Lê Bảo Trân												Vắng thi
346	1557010260	Nguyễn Phan Bảo Trân	0	30	49	0	26	48	0	37	64	537	Đạt	
347	1657010439	Hồ Thị Tú Trinh	0	49	66	0	43	60	0	28	54	600	Đạt	
348	1457050157	Nguyễn Kim Trinh	0	34	51	0	47	64	0	28	54	563	Đạt	
349	1657010441	Nguyễn Lê Mai Trinh												Vắng thi
350	1757010311	Nguyễn Phương Trinh	0	31	50	0	24	47	0	22	49	487	Không đạt	
351	1657010444	Nguyễn Tú Trinh	0	43	57	0	41	58	0	29	55	567	Đạt	CTr. CL cao
352	1657010443	Nguyễn Thị Thu Trinh												Vắng thi
353	1657010445	Phan Thị ánh Trinh												Vắng thi
354	1557010269	Tô Kiệt Trinh												Vắng thi
355	1757010312	Trần Đình Hồng Trinh												Vắng thi

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
356	1757010317	Huỳnh Nguyễn Thanh Trúc	0	23	46	0	40	58	0	23	49	510	Không đạt	
357	17H70A0021	Trần Ngọc Thiên Trúc	0	40	55	0	46	63	0	38	65	610	Đạt	
358	1757010320	Trần Thị Thanh Trúc	0	14	39	0	25	48	0	22	49	453	Không đạt	
359	1757010321	Trịnh Thanh Trúc	0	38	54	0	31	52	0	35	61	557	Đạt	
360	1757010316	Tô Toàn Trung	0	49	66	0	44	61	0	37	64	637	Đạt	CTr. CL cao
361	1757010323	Đặng Quang Trường												Vắng thi
362	1257010289	Lưu Tuấn Trường												Vắng thi
363	1757010336	Lê Thị Thu Uyên	0	38	54	0	46	63	0	27	53	567	Đạt	CTr. CL cao
364	1456010146	Nguyễn Đỗ Phương Uyên												Vắng thi
365	1757010339	Nguyễn Thị Thu Uyên	0	40	55	0	47	64	0	24	50	563	Đạt	CTr. CL cao
366	17H70B0013	Phạm Thị Thanh Uyên	0	39	54	0	41	58	0	34	60	573	Đạt	
367	1757010340	Phạm Thị Thảo Uyên	0	30	49	0	47	64	0	38	65	593	Đạt	CTr. CL cao
368	1757010341	Trịnh Phương Uyên	0	38	54	0	22	45	0	36	63	540	Đạt	
369	1857010422	Võ Đặng Thanh Uyên	0	34	51	0	31	52	0	32	58	537	Không đạt	CTr. CL cao
370	1857010423	Vũ Thị Thu Uyên	0	47	62	0	45	62	0	30	56	600	Đạt	
371	17H70B0014	Bùi Nguyễn Tường Vân	0	26	47	0	40	58	0	37	64	563	Đạt	
372	1867012020	Hồ Thị Vân	0	20	44	0	40	58	0	35	61	543	Đạt	
373	1657010477	Hoàng Vũ Thùy Vân												Vắng thi
374	1657010478	Lê Thị Hồng Vân	0	13	38	0	25	48	0	26	52	460	Không đạt	
375	1657050133	Võ Giáng Vân	0	43	57	0	45	62	0	29	55	580	Đạt	
376	1757010348	Đặng Thảo Vi	0	24	46	0	40	58	0	32	58	540	Không đạt	CTr. CL cao
377	1457012346	Huỳnh Nhật Vi	0	43	57	0	32	52	0	28	54	543	Đạt	
378	1654040505	Lê Nguyễn Khánh Vi	0	30	49	0	34	54	0	27	53	520	Không đạt	
379	1557010294	Đặng Xuân Việt	0	50	68	0	46	63	0	28	54	617	Đạt	

STT	MSSV	Họ và tên	Nghe			Đọc			Ngữ pháp			TỔNG ĐIỂM	NĂNG LỰC	Ghi chú
			Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm	Đề	Câu đúng	Điểm			
380	1757010351	Nguyễn Trường Vương	0	36	52	0	32	52	0	32	58	540	Đạt	
381	1557010297	Dương Thanh Vy	0	22	45	0	33	53	0	36	63	537	Đạt	
382	1757010353	Dương Thị Quỳnh Vy	0	48	64	0	46	63	0	30	56	610	Đạt	
383	1757010355	Lê Nguyễn Kim Vy	0	45	59	0	40	58	0	38	65	607	Đạt	
384	1757010357	Nguyễn Hoàng Mai Vy	0	42	56	0	44	61	0	39	67	613	Đạt	CTr. CL cao
385	1757010359	Nguyễn Tường Vy	0	39	54	0	34	54	0	29	55	543	Đạt	
386	1757010360	Tô Ngọc Hà Vy	0	27	48	0	33	53	0	28	54	517	Không đạt	CTr. CL cao
387	1757010362	Trần Thị Thúy Vy	0	33	51	0	47	64	0	25	51	553	Đạt	CTr. CL cao
388	1657010505	Từ Thị Ngọc Xuyên												Vắng thi
389	1457010246	Nguyễn Thị Như ý	0	29	49	0	37	56	0	12	38	477	Không đạt	
390	1657010510	Phan Thị Như ý												Vắng thi
391	1657012116	Huỳnh Thị Kim Yến	0	43	57	0	30	51	0	25	51	530	Không đạt	
392	1757010363	Phan Thị Xuân Yến	0	40	55	0	40	58	0	39	67	600	Đạt	
393	1557010306	Vũ Bảo Kim Yến	0	35	52	0	37	56	0	26	52	533	Không đạt	

Số sinh viên dự thi : 290

Số sinh viên vắng thi : 103

Số sinh viên đạt chuẩn năng lực : 182

TRƯỞNG PHÒNG KHẢO THÍ
(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Ninh Xuân Hương

Ngày 31 tháng 8 năm 2021

CÁN BỘ TỔNG HỢP ĐIỂM

(Ký tên và ghi rõ họ và tên)

Nguyễn Thanh Hải